

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **02/2024/DS-ST**

Ngày: 26- 01 – 2024.

Về việc: “Tranh chấp hợp
đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Khắc Dũng, ông Y Ník Êban.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Xuân Quyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Giản Thị Chung. Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 26/01/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 341/2023/TLST – DS, ngày 12 tháng 12 năm 2023, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị T, sinh năm: 1982. Nơi cư trú: Thôn M, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

- Bị đơn: Bà Lê Thị Đ, sinh năm: 1980. Nơi cư trú: Thôn C, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

* Theo đơn khởi kiện, ghi ngày 04/12/2023 và các lời khai trong quá trình thu thập chứng cứ, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Hoàng Thị T trình bày: Do có mối quan hệ quen biết nên vào ngày 11/4/2021 bà Hoàng Thị T có cho bà Lê Thị Đ vay số tiền 31.500.000đ (Ba mươi một triệu năm trăm nghìn đồng) vay gốc. Khi vay hai bên có thỏa thuận mức lãi suất là 2.5%/ tháng, nếu trong vòng 3 tháng bà Đ trả hết tiền thì không tính lãi suất. Hẹn trong năm 2021 bà Đ sẽ trả đủ số tiền vay gốc và lãi suất. Tuy nhiên từ ngày vay cho đến nay bà Đ chưa trả tiền cho bà T, bà T đã nhiều lần đòi nhưng bà Đ vẫn không chịu trả. Vì vậy bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị Đ trả cho bà Hoàng Thị T số tiền 31.500.000 đồng tiền vay gốc và khoản tiền lãi suất trong hạn, quá hạn phát sinh theo quy định của pháp luật là 20%/năm từ ngày vay tiền ngày 11/4/2021 cho đến khi thanh toán xong nợ.

*** Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa bị đơn bà Lê Thị Đ trình bày:** Do có mối quan hệ quen biết nên vào khoảng tháng 10/2016 (không nhớ ngày) bà Đ có vay của bà Hoàng Thị T số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng), với mức lãi suất 3%/tháng, hẹn trong vòng 01 năm sẽ trả dứt điểm số tiền trên, mục đích bà Đ vay tiền dùm cho người bạn nhưng do bạn bà Đ làm ăn bị thua lỗ không trả tiền cho bà Đ để trả nợ cho bà T. Đến ngày 11/4/2021 bà T đã tính lãi suất với tiền vay gốc tổng cộng là 41.500.000đ, sau đó bà Đ đã trả cho bà T được số tiền 10.000.000đ tiền vay gốc, còn nợ lại số tiền 31.500.000đ tiền lãi suất. Khi đó bà T yêu cầu bà Đ viết lại giấy với số tiền 31.500.000đ, lãi suất 2.5%/tháng, hẹn nếu trong vòng 03 tháng trả hết tiền thì bà T không tính lãi và hẹn trong năm 2021 sẽ trả đủ tiền vay gốc và lãi suất. Từ khi viết giấy vay nợ đến nay bà Đ chưa trả cho bà T được số tiền nào cả. Nay bà T khởi kiện bà Đ không chấp nhận và chỉ đồng ý trả thêm cho bà T số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án cho các bên đương sự theo quy định của pháp luật; Tiến hành thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng do các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Phản tranh luận:

- Ý kiến tranh luận của nguyên đơn bà Hoàng Thị T trình bày: Bà T vẫn giữ nguyên toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện và không có ý kiến trình bày bổ sung gì thêm.

- Tại phiên tòa bị đơn bà Lê Thị Đ trình bày ý kiến: Hiện nay bà Đ không có khả năng trả nợ nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị T.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Kiểm sát viên khẳng định quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật về tố tụng; Về nội dung: Căn cứ Điều 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị T. Buộc bà Lê Thị Đ có trách nhiệm trả cho bà Hoàng Thị T số tiền 31.500.000đ vay gốc và lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật từ ngày vay cho đến nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị T, ghi ngày 04 tháng 12 năm 2023 và chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện là 01 giấy vay tiền, ghi ngày 11/04/2021 (bút lục số 02 và 25), Toà án nhân dân huyện Ea Kar xác định quan hệ pháp luật: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại thời

điểm khởi kiện, bị đơn bà Lê Thị Đ, cư trú tại thôn C, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Xét về nội dung:

[2.1] Xét đối với số tiền vay nguyên đơn yêu cầu HĐXX buộc bà Lê Thị Đ trả cho bà Hoàng Thị T số tiền 31.500.000đ (ba mươi một triệu năm trăm nghìn đồng) tiền vay gốc, HĐXX nhận định: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Lê Thị Đ với bà Hoàng Thị T đều thừa nhận toàn bộ nội dung giấy vay tiền ngày 11/4/2021 là do bà Lê Thị Đ trực tiếp viết và ký xác nhận ghi rõ họ tên Lê Thị Đ dưới mục người vay. Căn cứ khoản 2 Điều 92 BLTTDS, Tòa án công nhận đó là sự thật không cần phải chứng minh.

Tuy nhiên bị đơn bà Lê Thị Đ cho rằng số tiền 31.500.000đ theo giấy vay tiền ngày 11/4/2021 là xuất phát từ khoản tiền lãi suất bà Diệp còn nợ trên khoản tiền vay gốc 10.000.000đ từ tháng 10/2016 để chuyển thành tiền vay, nhưng bà Đ không cung cấp được cho Tòa án giấy vay tiền 10.000.000đ, cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh lời khai của mình là có căn cứ, mà lời khai trên của bà Lê Thị Đ không được bà Hoàng Thị T thừa nhận. Đồng thời nội dung trong giấy vay tiền ngày 11/4/2021 do bà Đ viết đã thể hiện: “ *Tôi: Lê Thị Đ, thôn 2c, xã Ea Ô vay bà T 716 số tiền là 31.500.000đ, lãi 2.5%, nếu trong 3 tháng trả hết thì không tính lãi, hẹn trong năm 2021 sẽ trả đủ số tiền trên cả gốc và lãi* ”. Do đó, số tiền 31.500.000đ trong giấy vay tiền nêu trên bà Đ đã xác định là tiền gốc nên HĐXX không có căn cứ để xem xét ý kiến bà Đ cho rằng số tiền 31.500.000đ trong giấy vay tiền ngày 11/4/2021 là tiền lãi phát sinh còn nợ.

Theo giấy vay tiền ngày 11/4/2021, thì các bên thỏa thuận thời hạn trả nợ gốc và lãi trong năm 2021, tuy nhiên từ khi xác lập giấy vay tiền ngày 11/4/2021 cho đến nay bà Đ xác nhận chưa trả tiền cho bà T là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự (BLDS).

Tại khoản 1 Điều 466 của BLDS quy định:

1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; Nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại, đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị T là có căn cứ, vì vậy HĐXX, căn cứ Điều 463, khoản 1 Điều 466 của BLDS chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị T. Buộc bà Lê Thị Đ có trách nhiệm trả cho bà Hoàng Thị T số tiền 31.500.000đ (Ba mươi một triệu năm trăm nghìn đồng) vay gốc là đúng với quy định của pháp luật.

[2.2] Về lãi suất: Theo giấy vay tiền, ngày 11/4/2021, thể hiện mức lãi suất là 2,5%/tháng (tương đương mức lãi suất 30%/năm), như vậy mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng vay đã vượt quá mức lãi suất là 20%/năm, theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của BLDS. Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa bà T đề nghị HĐXX áp dụng mức lãi suất trong hạn là 20%/ năm (tức 1,66%/tháng) từ ngày vay 11/4/2021 cho đến ngày 31/12/2021 và lãi suất quá hạn là 150% của lãi suất trong hạn tính từ ngày 01/01/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/01/2024) là có căn cứ được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Mức lãi suất được tính như sau:

- Tiền lãi trong hạn: Bà Đ vay từ ngày 11/4/2021 đến ngày 31/12/2021 là 260 ngày $\times$ 20%/năm $\times$ 31.500.000đ/365 ngày = 4.487.671đ.

- Tiền lãi quá hạn: Từ ngày 01/01/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 26/01/2024 là 755 ngày $\times$ 30%/năm $\times$ 31.500.000đ/365 ngày = 19.547.260đ.

Tổng cộng tiền lãi suất là: 24.034.931đ.

Như vậy, tổng số tiền vay gốc và lãi suất phát sinh, HĐXX buộc bà Lê Thị Đ trả cho bà Hoàng Thị T là 55.534.931đ (năm mươi lăm triệu năm trăm ba mươi bốn nghìn chín trăm ba mươi một đồng). Trong đó: Tiền vay gốc là 31.500.000đ và tiền lãi suất là 24.034.931đ.

[3] Về tiền tạm ứng án phí và án phí sơ thẩm:

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về án phí lệ phí Tòa án. Buộc bà Lê Thị Đ phải chịu 2.776.746đ (hai triệu bảy trăm bảy mươi sáu nghìn bảy trăm bốn mươi sáu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, theo mức: (55.534.931đ x 5%).

- Về tiền tạm ứng án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, HĐXX tuyên trả lại cho bà Hoàng Thị T số tiền 1.459.075đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2022/0004864, ngày 12/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

[4] Xét ý kiến quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật nên HĐXX chấp nhận toàn bộ quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 203, Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, khoản 1 Điều 466 và khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị T.

1. Buộc bà Lê Thị Đ có trách nhiệm trả cho bà Hoàng Thị T tổng số tiền 55.534.931đ (năm mươi lăm triệu, năm trăm ba mươi bốn nghìn, chín trăm ba mươi mốt đồng). Trong đó: 31.500.000đ tiền vay nợ gốc và số tiền 24.034.931đ lãi suất.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/01/2024) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án (bà Lê Thị Đ) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí và tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Lê Thị Đ phải chịu 2.776.746đ (hai triệu bảy trăm bảy mươi sáu nghìn bảy trăm bốn mươi sáu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.
- Bà Hoàng Thị T được nhận lại số tiền 1.459.075đ (một triệu bốn trăm năm mươi chín nghìn không trăm bảy mươi lăm đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2022/0004864, ngày 12/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Hoàng Thị T và bị đơn bà Lê Thị Đ được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện E;
- Chi cục Thi hành án huyện E;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, V.P

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Thị Mai

